

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Tên đơn vị: Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ.

Trụ sở chính: 151/18 Trần Hoàng Na, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.

Điện thoại: (0710) 3765 080; Fax: (0710) 3765 078

Người thực hiện công bố thông tin: Trần Văn Thắng

Địa chỉ: 151/18 Trần Hoàng Na, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.

Điện thoại (di động): 0908.233.534

Fax: (0710) 3765 078

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ
(Công ty đánh dấu X vào mục cần công bố)

Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ kính báo cáo đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về công bố thông tin: **Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2015** (đính kèm file). Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ kính báo.

Chúng tôi xin cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Ngày 09 tháng 03 năm 2016

Người thực hiện công bố thông tin

PHO GIAM ĐOC



Trần Văn Thắng

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT
DẦU KHÍ TÂY NAM BỘ**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 25

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Quý Hiền	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Hiền	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 11 tháng 01 năm 2016)
Ông Trần Văn Thắng	Ủy viên
Ông Hoàng Văn Nhã	Ủy viên
Ông Đoàn Quốc Thịnh	Ủy viên
Ông Trịnh Văn Khiêm	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 11 tháng 01 năm 2016)

Ban Giám đốc

Ông Trịnh Văn Khiêm	Giám đốc (bổ nhiệm ngày 11 tháng 01 năm 2016)
Ông Nguyễn Đức Hiền	Giám đốc (miễn nhiệm ngày 11 tháng 01 năm 2016)
Ông Trần Văn Thắng	Phó Giám đốc
Ông Lê Kiên Định	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

**CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÂN BÓN VÀ HÓA
CHẤT DẦU KHÍ
TÂY NAM BỘ**

Trịnh Văn Khiêm
Giám đốc

Ngày 03 tháng 3 năm 2016
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Số: 365 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 03 tháng 3 năm 2016, từ trang 03 đến trang 25 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0030-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 03 tháng 3 năm 2016
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Vũ Mạnh Hùng
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 2737-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014 (Trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		293.608.977.703	219.668.620.449
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	168.036.031.448	66.790.824.151
1. Tiền	111		7.036.031.448	1.790.824.151
2. Các khoản tương đương tiền	112		161.000.000.000	65.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		49.412.951.482	75.752.593.646
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	26.457.297.136	75.456.432.534
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	22.627.391.000	27.500.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	328.263.346	268.661.112
III. Hàng tồn kho	140	9	75.991.386.593	76.601.942.378
1. Hàng tồn kho	141		77.956.811.280	76.601.942.378
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.965.424.687)	-
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		168.608.180	523.260.274
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		168.608.180	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	523.260.274
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		45.318.492.151	49.066.103.668
I. Tài sản cố định	220		34.790.325.895	38.204.736.878
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	18.874.355.770	22.288.766.753
- Nguyên giá	222		33.952.453.837	32.570.817.037
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15.078.098.067)	(10.282.050.284)
2. Tài sản cố định vô hình	227		15.915.970.125	15.915.970.125
- Nguyên giá	228		15.915.970.125	15.915.970.125
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
II. Bất động sản đầu tư	230	11	10.277.676.826	10.438.812.547
- Nguyên giá	231		11.480.389.000	11.480.389.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.202.712.174)	(1.041.576.453)
III. Tài sản dài hạn khác	260		250.489.430	422.554.243
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		250.489.430	422.554.243
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		338.927.469.854	268.734.724.117

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 25 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014 (Trình bày lại)
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		123.918.011.559	54.441.130.213
I. Nợ ngắn hạn	310		123.918.011.559	54.441.130.213
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	61.670.803.554	33.707.300.090
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	13	39.561.325.000	897.444.614
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	3.268.616.061	2.365.202.857
4. Phải trả người lao động	314		4.284.903.469	3.485.439.934
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		133.745.732	266.322.121
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	11.644.447.864	11.087.269.805
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.354.169.879	2.632.150.792
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		215.009.458.295	214.293.593.904
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	215.009.458.295	214.293.593.904
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		170.000.000.000	170.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		170.000.000.000	170.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		18.928.985.693	17.326.861.400
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		26.080.472.602	26.966.732.504
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		15.066.732.504	13.383.727.118
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		11.013.740.098	13.583.005.386
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		338.927.469.854	268.734.724.117


 Ngô Thị Hồng Nga
 Người lập biểu


 Nguyễn Thành Công
 Kế toán trưởng


 Trịnh Văn Khiêm
 Giám đốc

Ngày 03 tháng 3 năm 2016


Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 25 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 02-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2015	2014
			(Trình bày lại)	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	2.619.023.527.822	2.569.798.252.805
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	18	18.954.127.289	21.600.261.723
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	18	2.600.069.400.533	2.548.197.991.082
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	19	2.519.509.782.994	2.470.497.743.018
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		80.559.617.539	77.700.248.064
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		3.911.921.338	5.857.240.200
7. Chi phí tài chính	22		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	21	24.508.042.449	20.829.191.143
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	22.397.476.446	21.814.384.475
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		37.566.019.982	40.913.912.646
11. Thu nhập khác	31	22	3.593.668.000	2.727.274
12. Chi phí khác	32	22	48.709.091	-
11. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		3.544.958.909	2.727.274
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		41.110.978.891	40.916.639.920
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	23	9.068.493.036	9.029.660.798
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		32.042.485.855	31.886.979.122
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	1.542	1.593


 Ngô Thị Hồng Nga
 Người lập biểu


 Nguyễn Thành Công
 Kế toán trưởng


 Trịnh Văn Khiêm
 Giám đốc

Ngày 03 tháng 3 năm 2016


Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 25 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 03-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2015	2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>01</i>	<i>41.110.978.891</i>	<i>40.916.639.920</i>
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	4.957.183.504	4.398.797.571
Các khoản dự phòng	03	1.965.424.687	(3.427.067.946)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(5.656.880.247)	(5.857.240.200)
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<i>08</i>	<i>42.376.706.835</i>	<i>36.031.129.345</i>
Giảm/(Tăng) các khoản phải thu	09	26.765.305.214	(65.091.516.498)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(1.354.868.902)	43.146.068
Tăng các khoản phải trả (Không kể thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	67.142.197.091	35.402.822.598
Giảm chi phí trả trước	12	3.456.633	390.154.520
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(8.360.577.868)	(9.788.569.496)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	455.200.500	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(5.559.802.877)	(4.599.729.866)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>	<i>121.467.616.626</i>	<i>(7.612.563.329)</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(123.768.800)	(18.718.645.628)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	487.090.909	-
3. Tiền lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.009.518.562	5.729.895.754
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<i>4.372.840.671</i>	<i>(12.988.749.874)</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông	36	(24.595.250.000)	(27.543.772.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(24.595.250.000)</i>	<i>(27.543.772.000)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	101.245.207.297	(48.145.085.203)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	66.790.824.151	114.935.909.354
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	168.036.031.448	66.790.824.151


 Ngô Thị Hồng Nga
 Người lập biểu


 Nguyễn Thành Công
 Kế toán trưởng


 Trịnh Văn Khiêm
 Giám đốc



Ngày 03 tháng 3 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 25 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1800722461 ngày 31 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 9 ngày 25 tháng 01 năm 2016. Công ty được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ - được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1800722461 ngày 31 tháng 12 năm 2010. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hà Nội ngày 30 tháng 6 năm 2015 với mã chứng khoán là PSW.

Cổ đông chính của Công ty là Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty cổ phần (“Tổng Công ty”).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 61 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 65 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh, xuất nhập khẩu phân bón;
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ;
- Bốc xếp hàng hoá;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Vận tải hàng hoá đường thủy nội địa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ kinh doanh dịch vụ giao nhận hàng xuất khẩu, nhập khẩu hoặc đại lý làm thủ tục hải quan);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Quảng cáo;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các loại phân bón.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được trình bày lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN MỚI VỀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua hàng hóa và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua hàng hóa, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 10
Máy móc thiết bị	6
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3 - 7

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị quyền sử dụng đất của kho Đồng Tháp và Tòa nhà Văn phòng tại số 151/18 đường Trần Hoàng Na, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, tuy nhiên Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất vô thời hạn.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 10 năm. Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất vô thời hạn.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 22% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Tiền mặt	134.078.513	79.633.128
Tiền gửi ngân hàng	6.901.952.935	1.711.191.023
Các khoản tương đương tiền (*)	161.000.000.000	65.000.000.000
	<u>168.036.031.448</u>	<u>66.790.824.151</u>

(*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng và 03 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4%/năm đến 5%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ TÂY NAM BỘ151/18 Trần Hoàng Na, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Doanh nghiệp Tư nhân Kim Hoàng	11.977.390.570	25.483.271.253
Doanh nghiệp Tư nhân Tư Long	7.952.017.500	7.459.499.625
Doanh nghiệp Tư nhân Trần Thị Ngoan	3.518.268.185	9.062.924.000
Doanh nghiệp Tư nhân Thu Dung	1.050.356.248	9.313.083.500
Doanh nghiệp Tư nhân Tường Dung	3.802.900	8.144.052.499
Các khách hàng khác	1.955.461.733	15.993.601.657
	<u>26.457.297.136</u>	<u>75.456.432.534</u>
Phải thu khách hàng là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 26)	<u>1.504.682.491</u>	<u>4.629.769.176</u>

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu Khí - Công ty Cổ phần	22.569.877.500	-
Các nhà cung cấp khác	57.513.500	27.500.000
	<u>22.627.391.000</u>	<u>27.500.000</u>
Trả trước cho các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 26)	<u>22.569.877.500</u>	<u>27.500.000</u>

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	(Trình bày lại) VND
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	83.163.888	180.761.112
Tạm ứng cán bộ công nhân viên	50.000.000	15.000.000
Phải thu khác	195.099.458	72.900.000
	<u>328.263.346</u>	<u>268.661.112</u>
Phải thu khác các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 26)	<u>122.916.000</u>	<u>69.900.000</u>

9. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2015</u>		<u>31/12/2014</u>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	205.069.015	-	886.011.676	-
Hàng hoá	77.751.742.265	(1.965.424.687)	75.715.930.702	-
Cộng	<u>77.956.811.280</u>	<u>(1.965.424.687)</u>	<u>76.601.942.378</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ TÂY NAM BỘ151/18 Trần Hoàng Na, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2015	25.815.691.083	-	4.130.301.818	2.624.824.136	32.570.817.037
Mua sắm mới	-	-	123.768.800	-	123.768.800
Tặng khác	-	128.128.000	1.665.540.000	-	1.793.668.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(535.800.000)	-	(535.800.000)
Tại ngày 31/12/2015	25.815.691.083	128.128.000	5.383.810.618	2.624.824.136	33.952.453.837
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2015	6.834.125.284	-	1.741.789.930	1.706.135.070	10.282.050.284
Trích khấu hao trong năm	3.758.631.936	58.505	695.152.802	342.204.540	4.796.047.783
Tại ngày 31/12/2015	10.592.757.220	58.505	2.436.942.732	2.048.339.610	15.078.098.067
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2015	15.222.933.863	128.069.495	2.946.867.886	576.484.526	18.874.355.770
Tại ngày 31/12/2014	18.981.565.799	-	2.388.511.888	918.689.066	22.288.766.753

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 với giá trị là 1.364.505.572 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 1.043.091.027 đồng).

11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2015	1.766.025.000	9.714.364.000	11.480.389.000
Tại ngày 31/12/2015	1.766.025.000	9.714.364.000	11.480.389.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2015	1.041.576.453	-	1.041.576.453
Trích khấu hao trong năm	161.135.721	-	161.135.721
Tại ngày 31/12/2015	1.202.712.174	-	1.202.712.174
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2015	563.312.826	9.714.364.000	10.277.676.826
Tại ngày 31/12/2014	724.448.547	9.714.364.000	10.438.812.547

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc của Tòa nhà Văn phòng tại số 13A đường Phan Đình Phùng, thành phố Cần Thơ do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê.

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nên chưa trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	57.182.762.974	32.129.075.051
Các nhà cung cấp khác	4.488.040.580	1.578.225.039
	<u>61.670.803.554</u>	<u>33.707.300.090</u>
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-
Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 26)	<u>58.472.048.483</u>	<u>33.266.755.666</u>

13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Công ty TNHH Hữu Thành I	7.859.050.000	44.389.500
Doanh nghiệp Tư nhân Kim Hoàng	4.452.115.000	-
Công ty TNHH Út Nữ	4.140.000.000	115.877.793
Doanh nghiệp Tư nhân Phân bón Tân Thành	4.036.500.000	111.717.999
Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ - Xuất nhập khẩu Tường Nguyên	4.005.450.000	79.278.874
Công ty TNHH Thương mại Nguyễn Khoa	1.723.600.000	251.456.250
Doanh nghiệp Tư nhân Việt Nga	1.068.120.000	99.660.500
Doanh nghiệp Tư nhân Tư Long	1.030.000.000	98.665.000
Các khách hàng khác	11.246.490.000	96.398.698
	<u>39.561.325.000</u>	<u>897.444.614</u>
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 26)	<u>3.694.230.000</u>	<u>-</u>

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	31/12/2014	Phát sinh trong năm		31/12/2015
		Số phải nộp	Số đã nộp	
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT đầu ra	-	196.343.781	-	196.343.781
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.237.961.244	9.068.493.036	8.360.577.868	2.945.876.412
Thuế thu nhập cá nhân	127.241.613	1.013.173.241	1.014.018.986	126.395.868
Tiền thuê đất	-	466.357	466.357	-
Các loại thuế khác	-	5.000.000	5.000.000	-
Cộng	<u>2.365.202.857</u>	<u>10.283.476.415</u>	<u>9.380.063.211</u>	<u>3.268.616.061</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	9.617.283.864	10.151.459.805
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.840.560.000	935.810.000
Phải trả, phải nộp khác	186.604.000	-
	<u>11.644.447.864</u>	<u>11.087.269.805</u>
Phải trả ngắn hạn khác là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 26)	<u>2.698.600.038</u>	<u>1.209.234.477</u>

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ Đầu tư phát triển	Quỹ Dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2014	170.000.000.000	9.475.215.861	6.257.296.583	26.983.727.118	212.716.239.562
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	31.886.979.122	31.886.979.122
Phân phối lợi nhuận	-	-	1.594.348.956	(1.594.348.956)	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(4.809.624.780)	(4.809.624.780)
Trả cổ tức	-	-	-	(25.500.000.000)	(25.500.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2014	170.000.000.000	9.475.215.861	7.851.645.539	26.966.732.504	214.293.593.904
Trình bày lại theo TT 200/2014	-	7.851.645.539	(7.851.645.539)	-	-
Số dư tại ngày 01/01/2015	170.000.000.000	17.326.861.400	-	26.966.732.504	214.293.593.904
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	32.042.485.855	32.042.485.855
Trích từ lợi nhuận	-	1.602.124.293	-	(1.602.124.293)	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	(5.826.621.464)	(5.826.621.464)
Trả cổ tức (i)	-	-	-	(25.500.000.000)	(25.500.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2015	170.000.000.000	18.928.985.693	-	26.080.472.602	215.009.458.295

- (i) Theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông số 05/NQ-ĐHCĐ ngày 08 tháng 4 năm 2015, cổ tức năm 2014 được Đại Hội đồng cổ đông phê duyệt là 23.800.000.000 đồng. Năm 2014, Công ty đã tạm chia cho các cổ đông 11.900.000.000 đồng và 6 tháng đầu năm 2015, Công ty đã trả thêm cho các cổ đông 11.900.000.000 đồng. Theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông số 14/NQ-ĐHCĐ ngày 29 tháng 9 năm 2015, Công ty tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2015 cho các cổ đông với tỷ lệ 8%/cổ phiếu (một cổ phiếu nhận được 800 đồng), tổng số cổ tức tạm ứng là 13.600.000.000 đồng. Công ty cũng thực hiện trích quỹ khen thưởng, phúc lợi bằng 15% lợi nhuận sau thuế cộng thêm 10% lợi nhuận vượt kế hoạch.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ TÂY NAM BỘ151/18 Trần Hoàng Na, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****Cổ phiếu**

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+) Cổ phiếu phổ thông	17.000.000	17.000.000
+) Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ		
+) Cổ phiếu phổ thông	-	-
+) Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+) Cổ phiếu phổ thông	17.000.000	17.000.000
+) Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ của Công ty

Vốn điều lệ của Công ty là 170.000.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ, như sau:

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp 31/12/2015	Vốn đã góp 31/12/2014
	VND	%	VND	VND
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	127.500.000.000	75%	127.500.000.000	127.500.000.000
Các cổ đông khác	42.500.000.000	25%	42.500.000.000	42.500.000.000
	170.000.000.000	100%	170.000.000.000	170.000.000.000

17. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty chủ yếu là kinh doanh các loại phân bón sử dụng trong nông nghiệp. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 là liên quan đến hoạt động kinh doanh các loại phân bón sử dụng trong nông nghiệp. Doanh thu, giá vốn theo từng mặt hàng và hoạt động sản xuất kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 18 và số 19.

Trong năm, các sản phẩm phân bón của Công ty được tiêu thụ chủ yếu ở khu vực Tây Nam Bộ, Công ty không có hoạt động xuất khẩu, theo đó Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ TÂY NAM BỘ151/18 Trần Hoàng Na, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	2015	2014
	VND	(Trình bày lại)
		VND
Doanh thu URE Phú Mỹ	1.579.298.570.000	1.629.287.114.280
Doanh thu DAP Phú Mỹ	304.985.822.500	170.178.666.482
Doanh thu Kali Phú Mỹ	414.303.637.500	346.110.764.276
Doanh thu NPK Phú Mỹ	122.557.650.000	49.644.666.665
Doanh thu các loại phân bón khác	187.251.570.500	362.944.402.339
Doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	10.626.277.322	11.632.638.763
	2.619.023.527.822	2.569.798.252.805
Chiết khấu thương mại	(18.954.127.289)	(21.600.261.723)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.600.069.400.533	2.548.197.991.082
Doanh thu phát sinh trong năm với các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 26)	618.082.073.871	326.678.273.924

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2015	2014
	VND	(Trình bày lại)
		VND
Giá vốn URE Phú Mỹ	1.491.026.753.210	1.541.464.507.896
Giá vốn DAP Phú Mỹ	303.265.660.433	164.198.080.264
Giá vốn Kali Phú Mỹ	407.003.584.600	347.291.026.507
Giá vốn NPK Phú Mỹ	120.065.343.494	47.323.582.788
Giá vốn các loại phân bón khác	187.573.084.362	360.401.397.083
Giá vốn cung cấp dịch vụ và giá vốn khác	10.575.356.895	9.819.148.480
	2.519.509.782.994	2.470.497.743.018

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2015	2014
	VND	(Trình bày lại)
		VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	776.283.244	976.131.698
Chi phí nhân công	20.539.514.519	20.491.319.189
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.957.183.504	4.398.797.571
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.549.856.848	23.056.324.472
Chi phí khác bằng tiền	10.636.695.850	7.617.626.292
	59.459.533.965	56.540.199.222

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ TÂY NAM BỘ151/18 Trần Hoàng Na, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	2015	2014
	VND	(Trình bày lại) VND
Chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên bán hàng	10.212.837.554	9.605.398.632
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.197.052.252	3.244.895.269
Các khoản chi phí bán hàng khác	11.098.152.643	7.978.897.242
	24.508.042.449	20.829.191.143
Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên quản lý	10.326.676.965	10.885.920.557
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	12.070.799.481	10.928.463.918
	22.397.476.446	21.814.384.475

22. LỢI NHUẬN KHÁC

	2015	2014
	VND	VND
Thu nhập khác	3.593.668.000	2.727.274
Tài sản cố định nhận khuyến mãi từ Tổng Công ty và Chi nhánh	1.793.668.000	-
Nhận khuyến mãi voucher PNJ từ Chi nhánh	1.800.000.000	-
Thu nhập khác	-	2.727.274
Chi phí khác	48.709.091	-
Lỗ thanh lý tài sản cố định	48.709.091	-
Lợi nhuận khác	3.544.958.909	2.727.274

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2015	2014
	VND	(Trình bày lại) VND
Lợi nhuận trước thuế	41.110.978.891	40.916.639.920
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	109.444.000	127.272.800
Thu nhập chịu thuế	41.220.422.891	41.043.912.720
Thuế suất	22%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	9.068.493.036	9.029.660.798

24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	2015	2014
	VND	(Trình bày lại) VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	32.042.485.855	31.886.979.122
- Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông,	(5.826.621.464)	(4.809.624.780)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	26.215.864.391	27.077.354.342
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	17.000.000	17.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.542	1.593

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục, vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	168.036.031.448	66.790.824.151
Phải thu khách hàng và phải thu khác	26.612.644.482	75.640.193.046
Tổng cộng	194.648.675.930	142.431.017.797
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	71.288.087.418	43.858.759.895
Chi phí phải trả	133.745.732	266.322.121
Tổng cộng	71.421.833.150	44.125.082.016

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Quản lý rủi ro về giá hàng hóa**

Công ty mua hàng hóa từ Công ty mẹ - Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần và các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không, theo đó, Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2015	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	168.036.031.448	-	168.036.031.448
Phải thu khách hàng và phải thu khác	26.612.644.482	-	26.612.644.482
Tổng cộng	194.648.675.930	-	194.648.675.930
31/12/2015	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Phải trả người bán và phải trả khác	71.288.087.418	-	71.288.087.418
Chi phí phải trả	133.745.732	-	133.745.732
Tổng cộng	71.421.833.150	-	71.421.833.150
Chênh lệch thanh khoản thuần	123.226.842.780	-	123.226.842.780

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

31/12/2014	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	66.790.824.151	-	66.790.824.151
Phải thu khách hàng và phải thu khác	75.640.193.646	-	75.640.193.646
Tổng cộng	142.431.017.797	-	142.431.017.797
31/12/2014	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Phải trả người bán và phải trả khác	43.858.759.895	-	43.858.759.895
Chi phí phải trả	266.322.121	-	266.322.121
Tổng cộng	44.125.082.016	-	44.125.082.016
Chênh lệch thanh khoản thuần	98.305.935.781	-	98.305.935.781

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
Công ty Bảo hiểm PVI Tây Nam
Công ty Bảo hiểm PVI Thành phố Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương
Chi nhánh Côn Sơn - Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long
Doanh nghiệp Tư nhân Hưng Thạnh

Mối quan hệ

Công ty mẹ
Chi nhánh trực thuộc Công ty mẹ
Cùng công ty mẹ
Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Cổ đông, Chủ doanh nghiệp là thành viên Ban Kiểm soát Công ty

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2015	2014
	VND	(Trình bày lại) VND
Mua hàng hóa		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	1.522.739.600.000	1.606.218.667.716
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	820.780.192.755	532.658.838.726
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	4.302.919.379	3.471.630.676
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	-	313.560.000
Mua tài sản cố định		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí - Công ty Cổ phần	-	17.858.136.364
Mua dịch vụ từ các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam		
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	137.500.000	-
Công ty Bảo hiểm PVI Tây Nam	404.978.852	588.866.278
Công ty Bảo hiểm PVI Thành phố Hồ Chí Minh	336.128.500	467.070.500
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	59.758.600	39.682.500
Chi nhánh Côn Sơn - Công ty Cổ phần dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long	530.085.600	101.406.000
Thuê văn phòng		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	-	468.000.000
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	67.452.000	61.320.000
Chi phí quản lý		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	2.860.160.487	2.645.299.586
Nhận chiết khấu thương mại		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	20.469.594.500	26.978.961.680
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí - Công ty Cổ phần	7.998.136.363	4.532.734.795
Phí sử dụng nhãn hiệu của Tập đoàn		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	429.624.719	406.238.264
Chi trả cổ tức		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	19.125.000.000	19.125.000.000
Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:		
Lương và các khoản phúc lợi khác	3.731.438.571	3.885.432.026
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cà phê Petec tại tỉnh Đồng Tháp	-	3.674.541.126
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	8.352.176.471	9.699.812.872
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	-	40.392.857
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí - Công ty Cổ phần	345.241.423	671.205.920
Công ty Cổ phần Hoá dầu và Xơ Sợi Dầu khí	43.296.070.000	-
Bán hàng cho cổ đông Công ty	566.088.585.977	312.592.321.149
<i>Doanh nghiệp Tư nhân Hưng Thạnh</i>	566.088.585.977	312.592.321.149

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, số dư với các bên liên quan như sau:

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Phải thu khách hàng		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	1.266.527.143	3.524.827.678
Phải thu cổ đông	238.155.348	1.104.941.498
<i>Doanh nghiệp Tư nhân Hưng Thạnh</i>	238.155.348	1.104.941.498
	<u>1.504.682.491</u>	<u>4.629.769.176</u>
Trả trước cho người bán		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	22.569.877.500	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	-	27.500.000
	<u>22.569.877.500</u>	<u>27.500.000</u>
Phải thu khác		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	122.916.000	69.900.000
	<u>122.916.000</u>	<u>69.900.000</u>
Phải trả người bán		
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	57.182.762.974	32.129.075.051
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	780.931.869	604.698.105
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	407.843.967	367.461.477
Công ty Bảo hiểm PVI Tây Nam	47.190.473	106.774.433
Chi nhánh Côn Sơn - Công ty Cổ phần dịch vụ vận tải Dầu khí Cửu Long	53.319.200	58.746.600
	<u>58.472.048.483</u>	<u>33.266.755.666</u>
Người mua trả tiền trước		
Công ty Cổ phần Hoá Dầu và Xơ Sợi Dầu khí	3.603.930.000	-
Người mua trả tiền trước là cổ đông	90.300.000	-
<i>Doanh nghiệp Tư nhân Hưng Thạnh</i>	90.300.000	-
	<u>3.694.230.000</u>	<u>-</u>
Phải trả ngắn hạn khác		
Phải trả khác cho cổ đông	2.511.996.038	1.209.234.477
<i>Doanh nghiệp Tư Nhân Hưng Thạnh</i>	2.511.996.038	1.209.234.477
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	186.604.000	-
	<u>2.698.600.038</u>	<u>1.209.234.477</u>